

Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

*(Kèm theo Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (11 TTHC¹)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Sở Tài nguyên và Môi trường - Các cơ quan có liên quan - UBND tỉnh
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	
3	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	
5	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	
6	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	

¹ Có 02 TTHC (số thứ tự 08,09) thực hiện theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
7	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	
8	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (<i>Trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh cấp</i>)	- Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Trả lại Giấy phép tài nguyên nước (<i>Trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh cấp</i>)	- Các cơ quan có liên quan
10	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên	- UBND tỉnh
11	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG CẤP TỈNH

CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Một cửa: CCMC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công nghệ thông tin: CNTT
- Tài nguyên và Môi trường: TN&MT
- Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản: QLTNN&KS

1. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 20 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 06 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa: gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	07 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/4 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			14 ngày làm việc

2. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 31,5 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 45 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 13,5 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. thời gian bổ sung, hoàn thiện không	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	22 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1,5 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1,5 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			31,5 ngày làm việc

3. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 11,5 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 15 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 3,5 ngày làm việc).

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
B3	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Đối với bản kê khai tính tiền cấp quyền: việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước.</p> <p>+ Đối với văn bản đề nghị điều chỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP): Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về thời gian công trình phải ngừng khai thác.</p>	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	06 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả 	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			11,5 ngày làm việc

4. Nhóm 02 TTHC, gồm:

4.1. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm

4.2. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 31,5 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 36 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 4,5 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung: thông báo cho cá nhân/tổ chức. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo đã được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo (Báo cáo kết quả thẩm định).	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	22 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1,5 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			31,5 ngày làm việc

5. Nhóm 02 TTHC:

5.1. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm.

5.2. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm.

Thời gian thực hiện 01 TTHC: 24,5 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 31 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 6,5 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung: thông báo cho cá nhân/tổ chức bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, soạn thảo văn bản trình Lãnh đạo	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	15 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1,5 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24,5 ngày làm việc

6. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền UBND tỉnh cấp)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 16 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện điều chỉnh), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực	Chuyên viên Phòng QLTTNN&KS	06 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	hiện bước tiếp theo: tổ chức thẩm định, dự thảo văn bản trình UBND tỉnh.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			14 ngày làm việc

7. Trả lại Giấy phép tài nguyên nước (Trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền UBND tỉnh cấp)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo: tổ chức thẩm định, dự thảo văn bản trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng QLTTNN&KS	4,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1/2 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

8. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên.

8.1. Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 40 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	điện tử. Chuyển Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS		
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ; Tham mưu xây dựng dự thảo văn bản xin ý kiến, văn bản mời họp.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	03 ngày
B5	Xem xét văn bản xin ý kiến; trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	02 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành văn bản xin ý kiến, mời họp góp ý.	Lãnh đạo Sở TN&MT	02 ngày
B7	Phát hành văn bản; chuyển văn bản đến các cơ quan liên quan	Văn thư Sở	01 ngày
B8	Cho ý kiến góp ý; tham gia họp cho ý kiến	Các cơ quan liên quan	12 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến góp ý; xây dựng văn bản trình UBND tỉnh	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	07 ngày
B10	Xem xét kết quả tổng hợp của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	02 ngày
B11	Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở TN&MT	02 ngày
B12	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	01 ngày
B13	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B14	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			40 ngày làm việc

8.2. Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 67 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 22 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1/2 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ; Tham mưu xây dựng dự thảo văn bản xin ý kiến, văn bản mời họp.	Chuyên viên Phòng QLTTNN&KS	3,5 ngày
B5	Xem xét văn bản xin ý kiến; trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	01 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành văn bản xin ý kiến, mời họp góp ý.	Lãnh đạo Sở TNMT	01 ngày
B7	Phát hành văn bản; chuyển văn bản đến các cơ quan liên quan	Văn thư Sở	1/2 ngày
B8	Cho ý kiến góp ý; tham gia họp cho ý kiến	Các cơ quan liên quan	18 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến góp ý; xây dựng văn bản trình UBND tỉnh	CV Phòng QLTTNN&KS	08 ngày
B10	Xem xét kết quả tổng hợp của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	03 ngày
B11	Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở TN&MT	1,5 ngày
B12	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B13	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B14	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			45 ngày làm việc

9. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc (*Thời gian theo quy định: 35 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 07 ngày làm việc*).

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ; tham mưu thực hiện các công việc sau: - Gửi tài liệu và xin ý kiến của các Sở, ngành và UBND các huyện có liên quan; nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định. - Tổng hợp các ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện. - Trường hợp đủ điều kiện trình Lãnh đạo phòng xem xét, trình Lãnh đạo Sở.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	18,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TNMT	1/2 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở TN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức 	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			28 ngày làm việc